

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1 – ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**



TỔNG CTY VLXD SỐ 1 – CTCP
CÔNG TY CP GẠCH MEN THANH THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

☸☸☸
Số: 102/BC- TTC

☸☸☸

Đồng nai, ngày 07 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600 665643
- Vốn điều lệ: 59.923.480.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.923.480.000 đồng
- Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0251.3836066
- Số fax: 0251.3836305
- Website: www.thanhthanhceramic.com
- Mã cổ phiếu: TTC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trước năm 1975, Thanh Thanh thuộc sở hữu tư nhân, chủ yếu sản xuất gạch men 10cm x10cm theo công nghệ SACMI của Ý. Sau 1975, nhà máy được quốc hữu hóa vào ngày 1/7/1976 với tên Nhà máy Gạch Men Thanh Thanh.
- Năm 1993, nhà máy được thành lập lại theo quyết định số 34A/BXD – TCLD ngày 12/2/1993 của bộ trưởng Bộ Xây dựng, trực thuộc Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1. Sau đó Nhà máy được đổi tên thành Công Ty Gạch Men Thanh Thanh hạch toán độc lập theo Quyết định số 201/BXD-TCLĐ ngày 27/03/1995 và được Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước cho phép đăng ký kinh

doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 10055 ngày 05/04/1995 với chức năng chính là sản xuất kinh doanh gạch men và vật liệu xây dựng.

- Công ty được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Gạch Men Thanh Thanh thành Công ty Cổ phần, với vốn điều lệ lúc cổ phần hoá là 40 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000091 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 12 năm 2020.
- Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường vào ngày 08/08/2006
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm 1.992.348 cổ phiếu (tổng giá trị: mười chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) vào ngày 20 tháng 03 năm 2008.
- Thương hiệu gạch men Thanh Thanh đã khẳng định được uy tín của mình đối với người tiêu dùng trong nước. Những cột mốc quan trọng đánh dấu các bước phát triển của Công ty được ghi nhận như sau:
 - ✓ Năm 1991 đầu tư trang bị máy ép PH 550 thay thế các thiết bị cũ nâng cao công suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với hàng ngoại nhập; năm 1993, đầu tư mới dây chuyền sản xuất gạch lát nền theo công nghệ mới (nung 01 lần) công suất 1 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1995, tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất gạch lát nền công suất 01 triệu m²/năm nâng tổng công suất sản xuất gạch lát nền của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1999, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch với công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu/năm;
 - ✓ Năm 2000, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch granit nhân tạo công suất 1,5 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2003, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ốp tường công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu m²/năm, nâng tổng công suất sản xuất gạch ốp tường của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2016-2017, đầu tư chiều sâu máy in kỹ thuật số, máy mài cạnh nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm hướng tới dòng sản phẩm cao cấp.

- ✓ Năm 2019, đầu tư máy ép nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm
- ✓ Đến hết năm 2021, Công ty có một tập thể hơn 320 cán bộ - công nhân viên, trong đó có nhiều chuyên gia kỹ thuật công nghệ. Công ty đã xây dựng được hệ thống trên 100 nhà phân phối sản phẩm rộng khắp tại các tỉnh thành trong khu vực các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung và các Đồng bằng Sông Cửu Long. Công ty cũng đã mở rộng xuất khẩu sang các nước Thái Lan, Campuchia, Yemen, Nam Triều Tiên, Pakistan v.v... Công ty có thể cung cấp ra thị trường các loại gạch ốp lát với mẫu mã phong phú, kích thước đa dạng đạt chất lượng như: Gạch Granit mài và không mài bóng, gạch ceramic ốp tường và lát nền. Bằng hệ thống máy móc thiết bị được nhập từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như SITI, B&T, Nasetti, System... các phân xưởng của Công ty có tổng cộng 5 dây chuyền sản xuất có công suất thiết kế với sản lượng 5,5tr m²/năm;
- ✓ Công ty đã được Chính phủ phong tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Hai, Ba; đạt Huy chương vàng chất lượng Châu Âu tại Tây Ban Nha 1996; được Báo Sài Gòn Tiếp Thị bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong 20 năm liền kể từ năm 1997.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh gạch ceramic, granite
- Địa bàn kinh doanh: trong nước và một số quốc gia trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: từ ngày 02/01/2004 mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban kiểm soát và Hội đồng Quản Trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và các trưởng phòng, quản đốc phân xưởng.
- Các công ty có liên quan: Tổng công ty VLXD Số 1 – CTCP (nắm 51% vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Bao Bì & KS Số 1 (Cty Thanh Thanh nắm giữ 24% vốn điều lệ), Công ty CP VLXD Cosevco (Công ty Thanh Thanh nắm giữ 4,6% vốn điều lệ).

5. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu:

Đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm ở mức độ hợp lý để duy trì thị trường truyền thống, giữ vững thị phần, phát huy tối đa nguồn lực hiện có nhằm tạo đà phát triển cho giai đoạn sau.

b. Chiến lược trung – dài hạn:

- Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ: Trong những năm tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc tiếp thị sản phẩm tới người tiêu dùng, mở rộng hệ thống phân phối, củng cố thị phần trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường hoạt động marketing: Công ty đã chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp nhằm nâng cao vị thế hương hiệu và tăng cường khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường, đầu tư nghiên cứu phát triển các mẫu mã mới, đa dạng hoá sản phẩm, tạo sự gắn chặt chẽ giữa việc thiết kế mẫu mã với nhu cầu thị trường.
- Đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiên cứu kỹ thuật: Tăng cường đầu tư đổi mới, nâng cấp thiết bị hiện đã cũ để nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng vào đầu tư chiều sâu với các thiết bị in kỹ thuật số, máy mài cạnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm .
- Phát triển nguồn nhân lực: Thanh Thanh luôn xem yếu tố con người là tài sản quý giá nhất mang lại thành công cho Công ty, phát triển nguồn nhân lực là một trong mục tiêu được ưu tiên hàng đầu. Dù vậy, hiện nay Công ty vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, do đó trong những năm tới Công ty sẽ phải tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ cho người lao động trong Công ty, cung cấp điều kiện làm việc tốt và chế độ khen thưởng xứng đáng để nhân viên gắn bó và phát huy tối đa năng lực của mình.

c. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:

Công ty tích cực áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải rắn; tăng cường các hoạt động xã hội do địa phương phát động; và hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, tuân thủ luật pháp và có đời sống văn hoá phong phú.

6. Các rủi ro

Hiện nay, rủi ro kinh doanh của công ty tập trung chủ yếu vào các yếu tố: nền kinh tế phát triển chậm nên nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước về VLXD vẫn ở mức thấp; cùng với sự xuất hiện của nhiều loại vật liệu thay thế là những nguyên nhân chính có thể làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Thuận lợi :

- Thương hiệu *Thanh Thanh* được người tiêu dùng biết đến đã nhiều năm.
- Tình hình tài chính lành mạnh, tính thanh khoản cao.
- Có hệ thống đại lý phân phối sản phẩm ổn tương đối ổn định và đã đồng hành cùng với Công ty nhiều năm vừa qua.
- Có lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề, có kinh nghiệm, và nhiều lao động đã gắn bó nhiều năm với công ty, đây là nguồn nhân lực hết sức quý giá cho việc vận hành những máy móc, thiết bị đã lạc hậu, hư hỏng nhiều nhưng lại sản xuất được những loại sản phẩm có chất lượng cao .
- Tổ chức bộ máy ổn định, tinh gọn, kỷ cương. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường thực hiện tốt.

* Khó khăn

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty phải ngưng sản xuất từ ngày 25/07/2021 đến 25/10/2021. Sản xuất bị gián đoạn, thu hẹp; đứt gãy chuỗi cung ứng, thị trường tiêu thụ giảm mạnh.
- Cung cầu mất cân đối dẫn đến cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là gạch giá rẻ từ phía Bắc tràn vào làm cho việc tiêu thụ sản phẩm càng thêm khó khăn.
- Thiết bị, máy móc đầu tư đã lâu thường xuyên hư hỏng, chi phí sửa chữa cao và chi phí nhân công cao. Thiết bị, máy móc lạc hậu, nên không thể sản xuất được một số sản phẩm cao cấp có kích thước lớn, do đó bất lợi về khả năng cạnh tranh.
- Công ty đã có chủ trương của tỉnh Đồng Nai di dời , nên khó khăn cho việc đầu tư chiều sâu cải tiến thiết bị nâng cao chất lượng cũng như đa dạng hóa sản phẩm.

- Kho bãi chật hẹp nên rất khó khăn trong việc dự trữ nguyên liệu vào mùa mưa, đặc biệt trong điều kiện Công ty sản xuất rất nhiều chủng loại sản phẩm.
- Hiện nay công ty sử dụng CNG nên chi phí nhiên liệu cao hơn các đơn vị sử dụng khí hóa than và khí thấp áp nhiều. Khả năng cạnh tranh vẫn còn hạn chế.

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trước những thuận lợi, khó khăn như trên, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tăng cường công tác quản lý, kịp thời chuyển đổi sản phẩm mới, đưa ra những chính sách bán hàng phù hợp, năm 2021 đã đạt được kết quả:

Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 2021 (tr.đ)	Thực hiện 2021 (tr.đ)	TH 2021 / KH 2021 (%)
I. Chỉ tiêu tài chính			
1. Doanh thu	320.473	238.244	74,34
2. Giá vốn hàng bán	281.059	201.381	71,65
3. Lợi nhuận gộp	39.415	36.863	93,53
4. Doanh thu HĐTC		410	
5. Chi phí HĐTC		(3.608)	
6. Chi phí bán hàng	10.202	8.503	83,35
7. Chi phí Quản lý	16.601	16.494	99,36
8. Lợi nhuận từ SXKD	12.613	15.883	125,93
9. Lợi nhuận khác	500	(0,12)	(0,02)
10. Lợi nhuận trước thuế	13.113	15.883	121,13
II Chỉ tiêu sản phẩm			
1. Sản phẩm sản xuất	3.800.000	2.539.637	66,83
- Gạch lát nền	400.000	366.825	91,71
- Gạch ốp tường	1.600.000	887.652	55,48
- Gạch Granite	1.800.000	1.285.160	71,40
2. Sản phẩm tiêu thụ	4.000.000	2.833.797	70,84
- Gạch lát nền	475.000	428.072	90,12
- Gạch ốp tường	1.670.000	975.854	58,43
- Gạch Granite	1.855.000	1.429.871	77,08

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

(1) Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Trần Hưng Lương Ngày sinh: 01/8/1962

Nơi sinh: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: Đường 1B, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3834816

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1984 – 1988: NV phòng Kỹ thuật XN Cơ khí sửa chữa máy thiết bị - TCT Xây dựng 1.

+ Từ 1988 – 2004: NV phòng Kỹ thuật, Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện, Phó Giám đốc Công ty gạch bông và đá ốp lát số 1 (VITALY).

+ Từ 2004 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh .

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 14.350 cp

(2) Ông Lê Xuân Thái - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Lê Xuân Thái Ngày sinh: 29/11/1970

Nơi sinh: Phú Xuyên, Hà Nội, (Hà Tây cũ)

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Cựu, TP.Huế, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 16HV, KP1, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3836041

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác:

+ Từ 1995 – 2002: NV phòng Kỹ thuật Công ty Gạch Men Thanh Thanh.

+ Từ 2002 – 2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh.

+ Từ 2010 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 3.791 cp

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

Không có

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại ngày 31/12/2021: 321 lao động
- Thu nhập bình quân người lao động: Trên 8,2 triệu đồng / người/ tháng
- Chính sách: Công ty trả lương cho người lao động hình thức khoán sản phẩm dựa vào công sức đóng góp của người lao động, bảo đảm thu nhập ổn định để người lao động yên tâm công tác; các chính sách về nghỉ phép, lễ được thanh toán đầy đủ theo chính sách; các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được thực hiện đầy đủ theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

không có

4. Tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	199.989	178.407	(10,79)
Doanh thu thuần	297.203	238.244	(19,84)
Lợi nhuận từ hoạt động KD	17.964	15.883	(11,58)
Lợi nhuận khác	896	(0,12)	(100,01)
Lợi nhuận trước thuế	18.860	15.883	(15,78)
Lợi nhuận sau thuế	15.047	12.691	(15,65)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	15	Tạm ứng 12	(20,00)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,24	2,79	
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,03	1,44	
<i>Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,39	0,32	
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,64	0,46	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	2,75	2,73	
<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,49	1,34	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,05	0,05	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,12	0,10	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,08	0,07	
- Hệ số Lợi nhuận HĐKD / Doanh thu thuần	0,06	0,07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần: 5.992.348 cp

Cổ phần đang lưu hành: 5.940.528 cp

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.295.000 cp

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 645.528 cp

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước	5.545.216	92,54
1	Cá nhân	2.098.677	35,02
2	Tổ chức	3.446.539	57,52
II	Nước ngoài	447.132	7,46
1	Cá nhân	265.074	4,42
2	Tổ chức	182.058	3,04
	Tổng cộng	5.992.348	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	(%)
1	Tổng Công ty VLXD số 1- CTCP	Tầng 15 Toà nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	3.056.097	51
2	Trần Thị Xuân Anh	66 Đường 1B, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP.HCM	590.100	9,85
	Tổng cộng		3.646.197	60,85

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội công ty
6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

- Đất sét các loại: 18.657 tấn / năm
- Bột tràng thạch, đá vôi: 32.380 tấn / năm
- Khí CNG: 132.958 MMBTU / năm

- Chất đốt khác: 5.280 tấn/ năm
- Men , frit, phụ gia: 2.846 tấn / năm
- Màu: 71 tấn / năm
- Bì nghiền: 198 tấn / năm
- Bao bì: 510 tấn /năm

b. Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm dịch vụ chính của Công ty:

- Tỉ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng lại: 2,5 - 6 %
- Tỉ lệ nguyên vật liệu không thể tái chế sử dụng lại: 0,3 %

6.2 Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ năng lượng điện trực tiếp từ hệ thống điện lưới quốc gia. Khi hệ thống điện lưới quốc gia gặp sự cố như sứt áp, cúp điện ... thì sử dụng máy phát điện tại Công ty.

Trong năm, công ty tăng cường nghiên cứu, thay thế, lắp đặt các máy móc thiết bị tiết kiệm điện nhằm tiết kiệm điện cũng như giảm chi phí sản xuất.

6.3 Tiêu thụ nước:

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:

- Nước sản xuất: 250 m³/ngày đêm
- Nước sinh hoạt: 45 m³/ngày đêm

Tổng nhu cầu sử dụng nước : từ 350 đến 380 m³/ngày đêm

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng:

Công ty sử dụng nước từ Cty cấp nước Đồng nai : 139 m³/ngày đêm

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng khoảng 156 m³/ngày đêm, tỷ lệ 112,23%.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty đảm bảo đầy đủ hồ sơ về việc thực hiện pháp lệnh môi trường như:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định của Giám đốc Sở Khoa học , Công nghệ và môi trường Đồng Nai V/v: Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường số 199/QĐ-QLMT do Sở Khoa học , Công nghệ và môi trường Đồng cấp .

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải: 205/SĐK-STNMT do Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/03/2012.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước: 3970/GP-UBND do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 09/11/2018.
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường: 930/QĐ-UBND do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/04/2013.
- Quyết định về chứng nhận Công Ty CP Gạch Men Thanh Thanh đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường: 204/QĐ-STNMT do Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/03/2013.
- Báo cáo giám sát môi trường năm 2020
- Đầy đủ các hợp đồng về xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt.
- Nộp đầy đủ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động tại ngày 31/12/2021: 321 lao động
- Thu nhập bình quân người lao động: trên 8,2 triệu đồng/người/ tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động:

- Chính sách: Công ty trả lương cho người lao động theo hình thức khoán sản phẩm và dựa vào công sức đóng góp của người lao động, bảo đảm thu nhập ổn định để người lao động yên tâm công tác.
- Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định mỗi tháng hai kỳ vào ngày 05 và 20 mỗi tháng.
- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng tháng 13 được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.
- Các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo, khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng độc hại... được thực hiện đầy đủ theo quy định.
- Các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty trang bị đầy đủ.
- Công ty có bếp ăn riêng, tổ chức thực hiện và duy trì tốt chế độ ăn giữa ca cho người lao động đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Hàng năm, Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho công nhân về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và các nội dung về vận hành thiết bị, nội quy lao động...
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp: Thường xuyên cho người lao động tham gia các lớp huấn luyện chuyên ngành về công tác tổ chức, công tác quản lý ...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động sản - xuất kinh doanh

Thị trường VLXD nói chung, gạch ốp lát nói riêng cạnh tranh rất gay gắt, nhất là về giá. Ban điều hành đã quyết liệt đối diện với các khó khăn thách thức để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, điều hành các hoạt động của Công ty, thể hiện ở các mặt sau:

- Thực hiện nghiêm túc các quyết định của HĐQT phù hợp với tình hình thực tế, triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.
- Quản lý, điều hành mọi hoạt động theo đúng thẩm quyền, có sự phân công rõ ràng giữa các cấp quản lý.
- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, tăng cường tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, điện, nước; quyết liệt giảm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Công ty.
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính minh bạch, đúng pháp luật, đảm bảo an toàn và phát huy nguồn vốn; quyết liệt xử lý công nợ.
- Tổ chức tốt việc sản xuất sản phẩm Granit tiêu thụ tốt, mang lại hiệu quả cao.
- Chủ động phối hợp với Tổng Công Ty VLXD Số 1 – CTCP thông qua Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm FICO làm đại diện thực hiện việc chăm sóc và sàng lọc các đại lý, đồng thời tìm thêm đại lý mới có khả năng tiêu thụ tốt hơn.
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, tự đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Công ty.

- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ hợp lý, có chính sách khen thưởng minh bạch, nâng cao tính kỷ luật, chuyên nghiệp của người lao động.
- Mặc dù doanh thu thuần năm 2021 giảm so với kế hoạch năm 2021, nhưng lợi nhuận vẫn đạt kế hoạch là nhờ công ty tăng cường tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, tiết kiệm điện, nước, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Granite – có lợi thế cạnh tranh trên thị trường, đây là một nỗ lực rất lớn của toàn thể CB CNV người lao động trong công ty, rất đáng khích lệ trong một năm đầy khó khăn thách thức.
- Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2021: 2.539.637 m² gạch, đạt 66,83% so KH năm 2021 (trong đó sản lượng sản xuất gạch Granite năm 2021: 1.285.159 m² chiếm tỷ lệ 50,60%).
- Sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2021: 2.833.797 m² gạch, đạt 70,84 % so với KH năm 2021 (trong đó sản lượng tiêu thụ gạch Granite năm 2021: 1.424.541 m² chiếm tỷ lệ 50,27%);
- Doanh thu năm 2021: 238.244 triệu đồng, đạt 74,34% so với KH năm 2021.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021 so với năm 2020	
			Tăng, giảm	Tỷ lệ %
Tài sản cố định	27.764	22.226	-5.538	80,05
1. Tài sản cố định hữu hình	27.764	22.226	-5.538	85,05
- Nguyên giá	245.222	245.222		100,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	-217.458	-222.996	5.538	102,55
2. Tài sản cố định vô hình	0	0	0	
- Nguyên giá	101	101	0	100,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	-101	-101	0	100,00

Tài sản cố định năm 2021 so với năm 2020 giảm 5.538 triệu đồng, tỷ lệ giảm 19,95% là do khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị năm 2021 không đáng kể: 5.538 triệu đồng là điểm thuận lợi nhưng đồng thời cũng là điểm bất lợi do máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư đã lâu, nay đã lạc hậu, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

b. Tình hình nợ phải trả:

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,24	2,79	
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,03	1,44	
<i>Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho</i>			
<i>Nợ ngắn hạn</i>			

Các chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh năm 2021 đạt lần lượt 2,79 và 1,44 chứng tỏ Công ty có đầy đủ khả năng để thanh toán nợ đến hạn.

Công ty không vay nợ ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, ổn định sản xuất và đảm bảo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường quản lý định mức tiêu hao để tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.
- Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động đều, ổn định.
- Cấu trúc lại chủng loại sản phẩm để thuận lợi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tăng cường kiểm soát qui trình công nghệ, kiểm soát chất lượng gạch tại các phân xưởng, tránh tình trạng phân nhiều lô, kịp thời thanh lý những mẫu tồn kho lâu ngày.
- Tăng cường quản lý các kho thành phẩm, nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng không để thất thoát, giảm tỷ lệ bể vỡ, kém phẩm cấp.

- Tìm nguồn nguyên nhiên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý nhằm giảm chi phí.
- Bổ sung và điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường theo từng thời điểm
- Phát triển mẫu mã mới phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của thị trường.
- Tổ chức tiếp thị đến tận các công trình.
- Tăng cường chăm sóc khách hàng, phát triển thêm đại lý tiêu thụ tại các khu vực TPHCM, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Nguyên ..., và tìm thêm nhà nhập khẩu để tăng xuất khẩu.
- Tổ chức tốt thu hồi công nợ khách hàng.
- Đầu tư thêm vào mảng kinh doanh tài chính, chứng khoán.
- Tiến hành lập báo cáo khả thi dự án đầu tư nhà máy mới.
- Tiếp tục tìm kiếm dự án đầu tư mới theo hướng mua lại, sát nhập doanh nghiệp cũ (M&A), cải tạo nâng cấp để sản xuất các chủng loại gạch cao cấp có kích thước lớn nhằm tăng khả năng cạnh tranh, kết hợp di dời nhà máy ra khỏi Khu Công nghiệp Biên hòa theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2021, Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty phải ngưng sản xuất từ ngày 25/07/2021 đến 25/10/2021. Sản xuất bị gián đoạn, thu hẹp; đứt gãy chuỗi cung ứng, thị trường tiêu thụ giảm mạnh; Người lao động phải ngưng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, hưởng các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và của xã hội.
- Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị đã có sự đánh giá đúng tình hình và kịp thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty đề ra các giải pháp phù hợp, linh hoạt, chủ động đối phó với những khó khăn nêu trên, cộng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động, nên kết quả SXKD năm 2021 mặc dù các chỉ tiêu Sản xuất, tiêu thụ, doanh thu không đạt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao nhưng lợi nhuận đạt kế hoạch, cụ thể như sau:
 - + Sản xuất: 2.539.637 m² (đạt 66,83% so với kế hoạch)
 - + Tiêu thụ: 2.833.797 m² (đạt 70,84% so với kế hoạch)

- + Doanh thu là: 238.244 triệu đồng (đạt 74,34% so với kế hoạch)
- + Lợi nhuận trước thuế là: 15.883 triệu đồng (đạt 121.13% so với kế hoạch) và đạt 84,22% so với năm 2020.

Là do công ty tăng cường tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, tập trung sản xuất những dòng sản phẩm mà thị trường cần, đầu tư sản xuất những sản phẩm cao cấp nhằm tăng giá bán, tăng lợi nhuận.

- Tiếp tục khẳng định thương hiệu Thanh Thanh với thị trường bằng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, lành mạnh.
- Cơ cấu tổ chức và năng lực của bộ máy tiếp tục được hoàn thiện hơn, tinh gọn và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.
- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, động viên được người lao động gắn bó với Công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, tình hình tiêu thụ sản phẩm gạch men vẫn gặp nhiều khó khăn, do những nguyên nhân :

- Thị trường gạch men cạnh tranh khốc liệt về giá.
- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.
- Xung đột giữa Nga và Ucraina, giá xăng dầu tăng và nguồn nguyên liệu đầu vào tăng theo.
- Máy móc thiết bị lạc hậu, hư hỏng nhiều; Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị lớn, chi phí nhân công tăng làm cho chi phí giá thành sản phẩm cao nên sản phẩm của Công ty rất khó cạnh tranh với sản phẩm của nhiều công ty khác.

a. Định hướng của Công ty

Mục tiêu chính của năm 2022 vẫn là sản xuất với công suất hợp lý từng thời điểm để duy trì thị trường và tạo việc làm ổn định cho người lao động. HĐQT đề ra chương trình hoạt động như sau:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động trong Công ty, kịp thời tháo gỡ khó khăn để thực hiện tốt các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022, phù hợp nội lực của Công ty.
- Phối hợp với Tổng Công Ty VLXD Số 1 - CTCP thông qua Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản phẩm FICO làm đại diện duy trì hệ thống phân phối

hiện nay, tăng cường mở rộng thị trường, thêm đại lý. Mặt khác, phát triển những dòng sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao và tích cực tìm kiếm thêm thị trường xuất khẩu ra nước ngoài.

- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Hoàn thiện các quy định nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, nguồn vốn.
- Chỉ đạo các công tác liên quan đến quan hệ cổ đông theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động.

b. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm 2022.

- Sản lượng sản xuất: 4.000.000 m²
- Sản lượng tiêu thụ: 4.000.000 m²
- Doanh thu: 325,388 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 13,014 tỷ đồng
- Cổ tức: 12%

c. Công tác đầu tư:

- Chuẩn bị phương án di dời Công ty đến địa điểm mới theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tính đến ngày 31/12/2021 số lượng thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị như sau:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ VĐL %
1	Cao Trường Thụ	Chủ tịch	-	1.528.049	1.528.049	25,50
2	Trần Hưng Lương	Ủy viên	14.350	764.024	778.374	12,99
3	Võ Thị Thu Thủy	Ủy viên	11.000	-	11.000	0,18
4	Phạm Việt Thắng	Ủy viên	-	764.024	764.024	12,75
	Tổng cộng		25.350	3.056.097	3.081.447	51,42

b. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong điều lệ**

Trong năm 2021, HĐQT tổ chức họp và ban hành các văn bản như sau:

- Tổ chức 2 phiên họp trực tiếp (vào ngày 12/01/2021 và ngày 05/04/2021)
- Tổ chức 2 phiên họp trực tuyến (vào ngày 02/07/2021 và ngày 27/10/2021)
- Ban hành 10 nghị quyết

Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng sở hữu, kế hoạch công tác hàng quý và thường xuyên theo dõi tình hình của thị trường, tình hình thực tế của công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty.

- Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra**

- Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung như sau:
 - + Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 20/04/2021.
 - + Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So với KH năm	So với TH 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	59,92	59,92	59,92	100,00%	100,00%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	297,20	320,47	238,24	74,34%	80,16%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,86	13,11	15,88	121,13%	84,22%

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So với KH năm	So với TH 2020
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,05	10,49	12,69	120,98%	84,35%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	25,11	17,51	21,18	120,98%	84,35%

Đánh giá chung: năm 2021, đa số các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt so với kế hoạch, chỉ có chỉ tiêu lợi nhuận đạt kế hoạch

Nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, Công ty phải ngưng sản xuất từ ngày 25/07/2021 đến ngày 25/10/2021. Sản xuất bị gián đoạn, thu hẹp; đứt gãy chuỗi cung ứng, thị trường tiêu thụ giảm.

- Thị trường xuất khẩu gặp khó khăn.

+ Công tác đầu tư:

Đang nghiên cứu phương án để chuẩn bị di dời Công ty đến địa điểm mới theo chủ trương Tỉnh Đồng Nai

+ Giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn

Hội đồng quản trị đã theo sát tình hình biến động của thị trường vật liệu xây dựng nói chung, thị trường gạch men nói riêng, chỉ đạo Ban Điều hành kịp thời điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của thị trường; giảm hàng tồn kho, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị:

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/04/2021 đã thông qua:

- Điều lệ công ty.

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Quy chế quản trị nội bộ công ty.

+ Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán đối với tổ chức niêm yết. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Công tác chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức 2021

+ Đã thực hiện chi cổ tức năm 2020:

* Đợt 1 (12%) vào ngày 01/04/2021 theo Nghị quyết 86/NQ-HĐQT ngày 25/02/2021.

* Đợt 2 (3%) vào ngày 28/01/2022 theo Nghị quyết 94/NQ-HĐQT ngày 10/01/2022

+ Thực hiện nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 94/NQ-HĐQT ngày 10/01/2022 chi tạm ứng cổ tức năm 2021 (12%) vào ngày 28/01/2022.

2. Ban Kiểm soát**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ % VDL
1	Đào Quang Sơn	TBKS	0	0	0	
2	Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên	0	0	0	
3	Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên	2.087	0	2.087	0,03
	Tổng cộng		2.087		2.087	0,03

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có ba thành viên, mỗi thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể và các thành viên hoạt động độc lập theo phương thức bán chuyên trách. Hàng tháng và quý thường xuyên trao đổi các vấn đề về quản lý và hoạt động SXKD của công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, xem xét các nghị quyết và có ý kiến với HĐQT, Ban điều hành về việc quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Đvt: triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2021	Tiền lương 2021	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	Cao Trường Thụ	CT HĐQT	60		
2	Trần Hưng Lương	Thành viên	36	616,16	Kiểm TGD
3	Võ Thị Thu Thủy	Thành viên	36	307,02	Kiểm KTT
4	Phạm Việt Thắng	Thành viên	36		
5	Ngô Xuân Chính	Thành viên	34,64		Miễn nhiệm ngày 17.12.2021
II	Ban kiểm soát				
1	Đào Quang Sơn	Trưởng ban	36		
2	Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên	24		
3	Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên	24		Kiểm TP. Kỹ thuật
III	Ban giám đốc				
1	Lê Xuân Thái	P. TGD		386,91	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bà Trần Thị Xuân Anh mua 591.100 cổ phiếu

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Ý kiến kiểm toán****Số: 89/2022/BCKT - CPA VIETNAM-HCM****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản Trị và Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai

sốt trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :

0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của CT HĐQT,

Tổng giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Lưu Minh Tới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :

3920-2022-137-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a. Bảng cân đối kế toán 2021:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151,943,445,335	169,533,960,558
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	39,920,713,588	12,881,287,932
1. Tiền	111		17,920,713,588	2,881,287,932
2. Các khoản tương đương tiền	112		22,000,000,000	10,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	11,427,575,701	9,174,643,386
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11,427,575,701	11,427,575,701
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			(2,252,932,315)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,942,666,078	56,058,447,361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26,154,661,997	55,833,878,021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		801,554,187	199,498,587
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	246,854,134	250,708,995
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(260,404,240)	(225,638,242)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	73,652,489,968	91,402,961,879
1. Hàng tồn kho	141		90,963,382,069	107,854,453,492
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17,310,892,101)	(16,451,491,613)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			16,620,000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			16,620,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,463,361,209	30,455,405,760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.5	85,700,000	85,700,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			



5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		85,700,000	85,700,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		22,226,014,764	27,763,744,222
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	22,226,014,764	27,763,744,222
- Nguyên giá	222		245,222,174,471	245,222,174,477
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222,996,159,707)	(217,458,430,255)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10		
- Nguyên giá	228		100,896,000	100,896,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100,896,000)	(100,896,000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	4,151,636,445	2,605,961,538
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,030,000,000	3,030,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(798,363,555)	(2,344,038,462)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế d/hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		178,406,796,544	199,989,366,318
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56,549,461,626	78,033,736,720
I. Nợ ngắn hạn	310		54,394,461,626	75,838,736,720
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	21,269,613,154	18,137,383,585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	331,058,219	1,844,975,312
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	1,677,864,095	1,519,941,452
4. Phải trả người lao động	314		8,584,595,591	9,946,247,285
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			

9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9,791,771,979	34,215,790,498
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		12,739,558,588	10,174,398,588
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2,155,000,000	2,195,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2,155,000,000	2,195,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121,857,334,918	121,955,629,598
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	121,857,334,918	121,955,629,598
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59,923,480,000	59,923,480,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		14,054,939,829	14,054,939,829
5. Cổ phiếu quỹ	415		(652,100,000)	(652,100,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,305,178,956	15,048,183,555
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30,912,091,433	33,267,381,514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18,220,745,506	18,220,745,506
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,691,345,927	15,046,636,008
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		178,406,796,544	199,989,366,318



b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	241,454,522,279	300,419,997,941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3,210,548,292	3,216,859,217
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.3	238,243,973,987	297,203,138,724
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	201,380,900,299	251,122,883,401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		36,863,073,688	46,080,255,323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	409,671,704	387,056,009
7. Chi phí tài chính	22	6.6	(3,607,698,028)	2,818,482,917
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38,506,824	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	8,502,784,565	10,134,674,936
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	16,494,186,804	15,550,060,151
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		15,883,472,051	17,964,093,328
12. Thu nhập khác	31	6.8		1,090,872,031
13. Chi phí khác	32	6.8	120,657	194,799,191
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	6.8	(120,657)	896,072,840
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		15,883,351,394	18,860,166,168
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3,192,005,467	3,813,530,160
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		12,691,345,927	15,046,636,008
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	6.11	2,136	2,028
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2021

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15,883,351,394	18,860,166,168
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5,537,729,458	5,956,538,508
- Các khoản dự phòng	03		(2,904,440,736)	3,888,806,866
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11,095,275	12,059,715
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(321,856,361)	(1,049,192,274)
- Chi phí lãi vay	06		38,506,824	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,244,385,854	27,668,378,983
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29,081,015,285	(11,113,577,329)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16,891,071,423	(4,139,013,518)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26,568,014,917)	(6,839,149,957)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16,620,000	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38,506,824)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,296,914,796)	(3,574,066,714)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(434,840,000)	(414,300,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33,894,816,025	1,588,271,465
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			719,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26			

khác				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		321,856,361	330,010,456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		321,856,361	1,049,192,274
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		5,374,363,601	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5,374,363,601)	
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,166,082,015)	(8,910,792,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7,166,082,015)	(8,910,792,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		27,050,590,371	(6,273,328,261)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,881,287,932	19,158,188,617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11,164,715)	(3,572,424)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	39,920,713,588	12,881,287,932

d. Thuyết minh báo cáo tài chính (File đính kèm)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hưng Lương

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KTTC, VT